

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/02/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch.

Ông Vũ Xuân Tuất.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 909/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mai Văn D, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ 11, ấp L, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1993.

Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Tổ 11, ấp L, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(anh D có mặt, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Mai Văn D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 26/02/2014.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói

chung về việc nuôi con và chị H cũng bỏ đi không liên lạc với gia đình nên anh đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom tuyên bố chị Nguyễn Thị H mất tích (ngày 12/8/2020, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã ban hành quyết định số 11/2020/QĐST-DS về việc tuyên bố chị Nguyễn Thị H mất tích). Từ những lý do trên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Có một con chung là cháu Mai Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 18/3/2014, ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn A, không yêu cầu chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2015 và đã được Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom tuyên bố mất tích theo quyết định số 11/2020/QĐST-DS ngày 12/8/2020. Sau khi thụ lý vụ án nêu trên, Tòa án tiếp tục triệu tập chị Nguyễn Thị H, nhưng chị Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh D là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh D được ly hôn với chị H. Về con chung: Giao con chung cho anh D nuôi dưỡng, tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh D trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh D phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Mai Văn D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1993, nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Tổ 11, ấp L, xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, nên căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Mai Văn D nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị H chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 26/02/2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của anh D, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung từ việc nuôi con và chị H cũng bỏ đi không liên lạc được; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã ban hành quyết định số 11/2020/QĐST-DS ngày 12/8/2020 về việc tuyên bố chị H mất tích. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập chị H làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Từ những cơ sở trên, xét thấy mâu thuẫn giữa anh D với chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh D yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ.

Về con chung: Có một con chung là cháu Mai Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 18/3/2014, ly hôn anh D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng và chị H cũng không có mặt tại phiên tòa nên giao cháu Tuấn Anh cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cuộc sống cho cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[5] Như nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của anh Mai Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Văn D được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 18/3/2014 cho anh Mai Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị H tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Mai Văn D trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Mai Văn D trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Mai Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006014 ngày 09/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Mai Văn D đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS (04);
- Đương sự (02);
- UBND xã T, huyện Trảng Bom ((01);
- Lưu hồ sơ (05).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương